

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐƠN DƯƠNG
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **18/2019/HNGĐ - ST**

Ngày: 14/11/2019

“V/v: Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐƠN DƯƠNG – TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **DƯƠNG VĂN VŨ**

Các Hội thẩm nhân dân:

01/ Ông **LÊ VĂN HIỂN**

02/ Bà **NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG**

- Thư ký phiên tòa: Bà **NGUYỄN THỊ NGÀ** – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương tham gia phiên tòa: Bà **NGUYỄN THỊ KIM NGÂN** – Kiểm sát viên.

Ngày 14/11/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương – tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 162/2019/TLST – HNGĐ ngày 15/07/2019 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình: *“Xin ly hôn”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2019/QĐXX – HNGĐ ngày 15/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2019/QĐST – HNGĐ ngày 28/10/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Bùi Thị Thu C**, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Số nhà 467 – Xóm 4 – Ng.H1 – KĐ – Đ – Lâm Đồng.

2. *Bị đơn:* Ông **Lê Quang T**, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Số nhà 467 – Xóm 4 – Ng.H1 – KĐ – Đ – Lâm Đồng. (Bà *Bùi Thị Thu C* có mặt, ông *Lê Quang T* vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 26/02/2019, bản tự khai ngày 18/07/2019 và lời khai tại phiên tòa – nguyên đơn bà Bùi Thị Thu C trình bày: Bà **Bùi Thị Thu C** và ông **Lê Quang T** tìm hiểu và kết hôn với nhau vào năm 1989, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã KĐ – Đ và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 479 ngày 07/04/1989, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện.

Sau khi kết hôn đôi bên chung sống với nhau tại thôn Ng.H1, KĐ, Đ, Lâm Đồng. Trong quá trình chung sống giữa đôi bên thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do đôi bên bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp được với nhau, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống hằng ngày, từ đó dẫn đến đôi bên có lời qua tiếng lại, xúc phạm lẫn nhau. Bên cạnh đó ông Lê Quang T không có trách nhiệm với gia đình, không chăm lo xây dựng kinh tế và nuôi dạy con cái mà chỉ ham mê chơi bời, còn thường xuyên nhậu say về đánh đập, xúc phạm bà C về mặt thể xác lẫn tinh thần. Vì muốn giữ gìn hạnh phúc gia đình, nhiều lần bà C đã cố gắng chịu đựng và tha thứ nhưng ông Lê Quang T vẫn chứng nào tật nấy, không chịu thay đổi mà ngày càng quá đáng hơn. Nay tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nữa bà Bùi Thị Thu C yêu cầu được ly hôn với ông Lê Quang T.

Ông Lê Quang T vắng mặt nhưng trong quá trình làm việc tại Tòa án, tại Bản tự khai ngày 18/07/2019, ông Lê Quang T trình bày: Ông Lê Quang T xác nhận lời trình bày của bà Bùi Thị Thu C là đúng về thời điểm kết hôn, quá trình chung sống và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Tuy nhiên, ông T cho rằng đó chỉ là những mâu thuẫn nhỏ nhất, có thể bỏ qua cho nhau để cùng quay về đoàn tụ, nay tình cảm vợ chồng vẫn còn nên ông Lê Quang T không đồng ý ly hôn với bà Bùi Thị Thu C.

- *Về con chung:* Bà Bùi Thị Thu C và ông Lê Quang T đều thống nhất xác nhận trong quá trình chung sống giữa bà và ông Lê Quang T có 03 con chung là Lê Thị Mỹ D, sinh ngày 23/11/1991; Lê Thị Mỹ L, sinh ngày 29/10/1992; Lê Thị Thu X, sinh ngày 24/12/1996. Hiện nay các cháu đã trưởng thành, phát triển đầy đủ về mặt thể chất lẫn tinh thần, không mắc các bệnh hiểm nghèo, có khả năng tự lo cho cuộc sống của mình nên không đề cập đến vấn đề nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Bà Bùi Thị Thu C xác nhận trong quá trình chung sống giữa bà và ông Lê Quang T không có tài sản chung và nợ chung nên không đề cập đến.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng ông Lê Quang T đều vắng mặt. Đồng thời, vào ngày 24/06/2019 bà Bùi Thị Thu C có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được đối với vụ án.

Tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn bà Bùi Thị Thu C vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông Lê Quang T.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử từ khi thụ lý cho đến thời điểm xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng thì nguyên đơn thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị Thu C, cho bà Bùi Thị Thu C và ông Lê Quang T được ly hôn với nhau; Về con chung: hiện nay 03 con chung của bà C và ông T đều đã trưởng thành nên không đề cập đến vấn đề nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung giữa đôi bên không có nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa của nguyên đơn, quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương về nội dung vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Đây là vụ án “*Xin ly hôn*” giữa nguyên đơn bà Bùi Thị Thu C và bị đơn ông Lê Quang T. Ông Lê Quang T có nơi cư trú tại: Số 467 – Xóm 4 – Ng.H1 – KĐ – Đ – Lâm Đồng, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 3 Điều 36; Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Việc bị đơn ông Lê Quang T vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai theo đúng quy định tại các Điều 175, 177, 179 của Bộ Luật tố tụng Dân sự năm 2015. Vì vậy, theo quy định tại các Điều 227, 228, 273 của Bộ Luật tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án và giành quyền kháng cáo vắng mặt cho ông Lê Quang T là đủ.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Bùi Thị Thu C và ông Lê Quang T tự nguyện yêu thương, tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào năm 1989 tại Ủy ban nhân dân xã KĐ – Đ theo Giấy chứng nhận kết hôn số 479 ngày 07/04/1989. Trong quá trình chung sống giữa đôi bên thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp được với nhau, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống hằng ngày, từ đó dẫn đến đôi bên có lời qua tiếng lại, xúc phạm lẫn nhau. Bên cạnh đó ông Lê Quang T không có trách nhiệm với gia đình, không chăm lo xây dựng kinh tế và nuôi dạy con cái mà chỉ ham mê chơi bời, còn thường xuyên nhậu say về đánh đập, xúc phạm bà C về mặt thể xác lẫn tinh thần. Vì muốn giữ gìn hạnh phúc gia đình, nhiều lần bà C đã cố gắng chịu đựng và tha thứ nhưng ông Lê Quang T vẫn chứng nào tật nấy, không chịu thay đổi mà ngày càng quá đáng hơn.

Phía ông Lê Quang T vắng mặt nhưng trong quá trình Tòa án tiến hành thụ lý giải quyết vụ án tại Bản tự khai ngày 18/07/2019 (Bút lục 24) mặc dù ông Lê Quang T không đồng ý ly hôn nhưng ông T cũng thừa nhận ông thường xuyên ăn chơi không có trách nhiệm với gia đình, quá trình chung sống vợ chồng giữa ông và bà C cũng phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt. Đồng thời, Tòa án đã nhiều lần tiến hành triệu tập ông Lê Quang T nhưng ông T đều

vắng mặt, chứng tỏ bản thân ông Lê Quang T không hợp tác, không có thiện chí mong muốn đoàn tụ.

Tại phiên tòa hôm nay bà Bùi Thị Thu C vẫn cương quyết xin được ly hôn với ông Lê Quang T. Chứng tỏ mâu thuẫn giữa đôi bên đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nếu có níu kéo để hai bên về chung sống lại cũng không hạnh phúc. Nên cho hai bên được ly hôn là phù hợp với thực tế và phù hợp với điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- *Về con chung*: Quá trình làm việc tại Tòa án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bà Bùi Thị Thu C vẫn giữ nguyên ý kiến xác nhận hiện nay 03 con chung của bà và ông Lê Quang T là Lê Thị Mỹ D, sinh ngày 23/11/1991; Lê Thị Mỹ L, sinh ngày 29/10/1992; Lê Thị Thu X, sinh ngày 24/12/1996 đã trưởng thành, có thể tự lo cho cuộc sống của mình nên không đề cập đến vấn đề nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Ông Lê Quang T vắng mặt tại phiên tòa, nhưng quá trình làm việc tại Tòa án ông T cũng không có ý kiến gì đối với con chung nên không đề cập đến.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa hôm nay, bà Bùi Thị Thu C vẫn giữ nguyên ý kiến xác nhận quá trình chung sống giữa đôi bên không có tài sản chung và nợ chung nên không đề cập đến. Phía ông Lê Quang T vắng mặt nhưng quá trình làm việc cũng không có ý kiến gì đối với tài sản chung và nợ chung nên không đề cập đến.

[3] Về án phí: Bà Bùi Thị Thu C phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật. Ông Lê Quang T không phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 3 Điều 36; Khoản 1 Điều 39; Các Điều 175, 177, 179, 219, 220, 227, 228, 235, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng các Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị Thu C.

Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Bùi Thị Thu C và ông Lê Quang T.

Về án phí: Buộc bà Bùi Thị Thu C phải chịu 300.000đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, căn cứ vào Biên lai thu tiền số 0011483 ngày 15/07/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đơn Dương, bà Bùi Thị Thu C đã nộp đủ. Ông Lê Quang T không phải chịu tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có

lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng để xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAT;
- VKS;
- THA;
- Các ĐS;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Văn Vũ